

Vai trò của thẩm phán trong hoạt động tố tụng hình sự : Luận văn ThS. Luật: 60.38.40 / Bùi Văn Lương ; Nghd. : PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn

Mở đầu	1
Chương 1: Cơ sở lý luận về vai trò của thẩm phán trong hoạt động tố tụng hình sự	6
1.1. Đặc điểm của tố tụng hình sự và các mô hình tố tụng hình sự	6
1.2. Vai trò của thNm phán trong tố tụng hình sự	15
1.3. Những yêu cầu của cải cách tư pháp và vấn đề nâng cao vai trò của thNm phán trong hoạt động tố tụng hình sự	24
Chương 2: Vị trí, vai trò, quyền hạn và nhiệm vụ của thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam	28
2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến 1959	28
2.2. Giai đoạn từ năm 1960 đến trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988	31
2.3. Vai trò của ThNm phán theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988	36
2.4. Quá trình hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự từ năm 1988 đến nay về vai trò của ThNm phán	43
Chương 3: Thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về vai trò của thẩm phán trong tố tụng hình sự và một số kiến nghị	52
3.1. Vai trò của ThNm phán trong thực tiễn hoạt động tố tụng hình sự	52

3.2. Một số kiến nghị về hoàn thiện địa vị pháp lý của ThNm phán trong tố tụng hình sự	77
3.3. Một số kiến nghị về mặt tổ chức nhằm nâng cao vai trò của ThNm phán trong tố tụng hình sự	81
Kết luận	85

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Toà án là một trong những cơ quan tư pháp, có nhiệm vụ xét xử các vụ án hình sự và giải quyết các tranh chấp trong nhân dân. Hoạt động của Toà án nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Gắn liền với hoạt động của Toà án là thNm phán. Trong lĩnh vực tư pháp hình sự thNm phán đã góp một phần không nhỏ trong việc trừng trị tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Hoạt động của ThNm phán là thực tiễn sinh động làm cơ sở lý luận cho khoa học tố tụng hình sự và quá trình xây dựng Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành.

Tuy nhiên, hoạt động của thNm phán trong tố tụng hình sự còn tồn tại những bất cập, một số nguyên tắc của tố tụng hình sự chưa được thực hiện đầy đủ làm cho hiệu quả xét xử của Toà án chưa cao.

Hiện nay Đảng ta đang tiến hành cải cách tư pháp, trong đó có cải cách thủ tục tố tụng tại phiên toà hình sự. Vì vậy việc nghiên cứu một cách hệ thống vai trò của ThNm phán trong hoạt động tố tụng hình sự là việc làm cần thiết mà bản luận văn này muốn đề cập đến.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vai trò của thNm phán trong tố tụng hình sự đã được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu, bài viết đăng trên các báo và tạp chí chuyên ngành, như Thông tin khoa học xét xử của TAND tối cao,

Tạp chí TAND, các hội thảo khoa học của TAND tối cao và VKSND tối cao khi soạn thảo, tập huấn Bộ luật TTHS năm 2003, trong đó có các quy định về vai trò của thẩm phán. Tuy nhiên, các công trình và bài viết đó mới nhằm đến những khía cạnh nhất định của chế định thẩm phán, chủ yếu dưới góc độ tổ chức và quản lý, chưa nghiên cứu một cách hệ thống và đồng bộ về địa vị pháp lý của thẩm phán trong hoạt động tố tụng hình sự.

Khi xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vấn đề này cần được làm sáng tỏ hơn về mặt lý luận và thực tiễn, làm cơ sở cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật về vai trò của thẩm phán trong tố tụng hình sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

Mục đích: Nghiên cứu nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về vai trò của thẩm phán trong tố tụng hình sự, góp phần nâng cao chất lượng xét xử của thẩm phán.

Nhiệm vụ: Phân tích những đặc điểm của tố tụng hình sự, các mô hình tố tụng hình sự, vai trò của thẩm phán trong tố tụng hình sự; đánh giá thực trạng việc áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về vai trò của thẩm phán trong tố tụng hình sự, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện địa vị pháp lý của thẩm phán trong tố tụng hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các quy định pháp luật về vai trò của thẩm phán trong tố tụng hình sự theo pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến nay, hoạt động của thẩm phán trong thực tiễn tư pháp hình sự nước nhà. Luận văn chỉ giới hạn việc nghiên cứu vai trò của thẩm phán ở giai đoạn xét xử sơ thẩm về hình sự.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu lịch sử, thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh... để phân tích về hệ thống quyền và nghĩa vụ của Thẩm phán trong tố tụng hình sự.

6. Cơ cấu của luận văn

Luận văn gồm có phần mở đầu, nội dung gồm ba chương và phần kết luận.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA THẨM PHÁN TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Đặc điểm của tố tụng hình sự và các mô hình tố tụng hình sự

Tố tụng hình sự là trình tự hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và mối quan hệ giữa họ trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự. Mục đích của tố tụng hình sự là phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh, chính xác mọi tội phạm.

Tố tụng hình sự có một số đặc điểm có ý nghĩa quy định địa vị pháp lý của thẩm phán:

Thứ nhất, đó là hoạt động mang tính công quyền. Luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục xác định tội phạm và áp dụng hình phạt. Nhà nước giao cho một số cơ quan và nhân viên của mình thực hiện các hành vi tố tụng. Khi thực hiện, người có thẩm quyền nhân danh quyền lực công cộng và hoạt động của họ mang tính cưỡng chế đối với những người liên quan đến vụ án.

Thứ hai, đó là hoạt động mang tính giai cấp và tính xã hội cao. Trong mọi xã hội có giai cấp đều tồn tại tội phạm, đấu tranh phòng và chống tội phạm là trách nhiệm của Nhà nước. Tố tụng hình sự không chỉ bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị mà còn bảo vệ lợi ích

của cả cộng đồng người đang tồn tại trong lòng xã hội thuộc phạm vi tác động của nó.

Thứ ba, tố tụng hình sự là sự thống nhất và nhất quán giữa các giai đoạn. Hoạt động của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định, được pháp luật quy định chặt chẽ, giai đoạn trước là tiền đề của giai đoạn sau.

Trong lịch sử tư pháp hình sự đã tồn tại nhiều cách thức khác nhau khi tiến hành giải quyết một vụ án hình sự, đó là mô hình tố tụng tranh tụng và tố tụng thNn vấn. Tùy thuộc vào mỗi mô hình mà pháp luật quy định về vai trò của thNn phán khác nhau.

Trong tố tụng tranh tụng vụ án hình sự được điều tra công khai tại phiên toà, những tài liệu điều tra trước đó hầu như không có ý nghĩa về mặt chứng cứ, các bên buộc tội và bị buộc tội có vị trí ngang nhau trong việc đưa ra chứng cứ. ThNn phán đóng vai trò của người trọng tài, điều khiển các bên tranh tụng với nhau để tìm ra sự thật.

Mô hình tố tụng thNn vấn đề cao vai trò của ThNn phán. ThNn phán là người đưa ra quyết định điều tra, có trách nhiệm tìm ra sự thật trên cơ sở các sự việc, chứng cứ. Cuộc điều tra về căn bản đã được hoàn tất trước khi Toà án xét xử vụ án, những chứng cứ viết có ý nghĩa quan trọng.

Giữa hai mô hình trên có những điểm tương đồng:

Thứ nhất, cùng có mục đích tìm ra sự thật của vụ án, nhằm khẳng định một người là có tội hay không có tội.

Thứ hai, đều có những bước (giai đoạn) tiến hành theo một trình tự nhất định, đó là các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Khẳng định một người có tội hay không bao giờ cũng do Toà án với một thNn phán hay một Hội đồng xét xử thực hiện.

Thứ ba, người tiến hành tố tụng là những nhân viên nhà nước được pháp luật giao nhiệm vụ giải quyết vụ án.

Thứ tư, cả hai loại hình đều đòi hỏi về một thủ tục tố tụng dân chủ, công khai, công bằng.

Thứ năm, việc xét xử thường được tiến hành theo hai cấp với các hội đồng xét xử vô tư, khách quan.

Giữa hai mô hình tố tụng cũng có những điểm khác biệt tạo ra sự khác biệt trong địa vị pháp lý của thẩm phán:

- Tố tụng thNn vấn nhấn mạnh vào giai đoạn điều tra, trong khi đó tố tụng tranh tụng lại chú trọng vào giai đoạn xét xử. Phiên toà trong tố tụng thNn vấn là sự tiếp tục điều tra, các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Toà án, phiên toà trong tố tụng tranh tụng là sự cạnh tranh giữa hai bên đối lập nhau, các bên đưa ra chứng cứ và tìm cách thuyết phục Toà chấp nhận chứng cứ đó.

- ThNn phán trong tố tụng tranh tụng đóng vai trò trọng tài giữa bên buộc tội là công tố viên và bên gỡ tội là luật sư cùng bị cáo, trong tố tụng thNn vấn thNn phán là thNn tra viên đồng thời có quyền quyết định vụ án.

- Quy trình tố tụng trong tố tụng tranh tụng chính thức bắt đầu từ khi mở phiên toà xét xử, các hoạt động điều tra trước đó được coi là bí mật. Quy trình tố tụng trong tố tụng thNn vấn bắt đầu từ khi khởi tố vụ án, các hoạt động điều tra hợp lệ đều mang lại những giá trị chứng minh, phiên toà chủ yếu là kiểm tra lại các chứng cứ đã được thu thập ở giai đoạn trước.

- Trong tố tụng thNn vấn tất cả mọi người tham gia vào vụ án đều cố gắng tìm ra sự thật, bị cáo có nghĩa vụ khai báo và cung cấp

thông tin, trả lời các câu hỏi tại phiên toà. Tổ tụng tranh tụng lại không mong đợi sự hợp tác của bị cáo cho việc điều tra, bị cáo có quyền giữ im lặng trong khi trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về công tố viên.

- Trong tổ tụng tranh tụng cho phép thú tội và mặc cả thú tội. Pháp luật khuyến khích bị cáo nhận tội hoặc cho phép thoả thuận để bị can, bị cáo nhận tội, khai báo về bị cáo khác để được miễn truy tố hay được giảm hình phạt sau này. Tổ tụng thNn vẫn không chấp nhận sự mặc cả thú tội, vì Nhà nước có nhiệm vụ phải kết tội đúng với những gì mà bị cáo gây ra.

Đối với Việt Nam, trong lịch sử tư pháp việc xét xử đã được tiến hành theo thủ tục thNn vẫn. Bộ luật Tổ tụng hình sự hiện hành phân định trình tự tổ tụng thành các giai đoạn khác nhau, đó là giai đoạn khởi tố, điều tra, xét xử và thi hành án. Từ năm 2002 Việt Nam hướng nền tổ tụng đến mô hình thNn vẫn kết hợp với tranh tụng.

1.2. Vai trò của thẩm phán trong tổ tụng hình sự

ThNn phán là người được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ xét xử những vụ án hình sự và giải quyết những việc khác thuộc thNn quyền của Toà án. ThNn phán là người duy nhất có quyền kết tội một người và áp dụng hình phạt thông qua hoạt động xét xử. Tùy theo từng loại hình tổ tụng và pháp luật mỗi quốc gia mà thNn phán tham gia xét xử các vụ án hình sự sớm hay muộn. Có thể phân chia thành hai giai đoạn chính là tiền xét xử và xét xử.

Giai đoạn tiền xét xử: Tiền xét xử là giai đoạn trước khi hồ sơ được chuyển đến Toà án với bản cáo trạng của Viện công tố.

Theo hệ thống luật châu Âu lục địa, trong giai đoạn tiền xét xử, thNn phán quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần thiết như khám xét chỗ ở, tạm giam, bắt giữ, tiến hành điều tra sơ bộ. Theo hệ thống thông luật (tổ tụng tranh tụng), trong giai đoạn tiền xét xử thNn phán là người nhận và xử lý tin báo về tội phạm, bằng cách thNn vẫn trực tiếp người báo tin để xác định sự thật, ra lệnh khám xét chỗ ở hoặc địa điểm để phát hiện và thu thập chứng cứ, ra lệnh bắt và trả tự do cho bị can.

Theo pháp luật tổ tụng của Việt Nam, giai đoạn xét xử được bắt đầu từ thời điểm Toà án nhận được hồ sơ vụ án kèm theo bản cáo trạng của cơ quan công tố. Trước đó thNn phán chưa có thNn quyền gì đối với vụ án, kể cả việc bắt giam, khám xét, thu giữ đồ vật như luật tổ tụng của các quốc gia nêu trên.

Giai đoạn xét xử được tính từ khi Toà án nhận bản cáo trạng cùng các tài liệu liên quan đến vụ án được thu thập trước đó. ThNn phán được giao xét xử vụ án thực hiện các hành vi tổ tụng trước và trong phiên toà xét xử. Bộ luật TTHS năm 2003 của Việt Nam quy định sau khi nhận hồ sơ, Toà án phải tiến hành thụ lý vụ án và giao cho một thNn phán thực hiện các hoạt động tổ tụng cần thiết, như xác định thNn quyền xét xử, đề xuất việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn; trong thời hạn nhất định thNn phán phải ra một trong các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Khi vụ án được đưa ra xét xử thì thNn phán điều hành hoạt động tại phiên toà, chủ trì bị bản án và tuyên án theo quyết định của Hội đồng xét xử. Sau phiên toà, thNn phán chủ toạ phải cùng thư ký hoàn tất và ký vào biên bản phiên toà, cho những người tham gia tổ tụng xem biên bản phiên toà, sửa chữa và ban hành bản án trong thời hạn luật định, theo dõi việc kháng cáo, kháng nghị đối với bản án.

*** Một số nhận xét về vai trò của thẩm phán trong TTHS:**

1) Tại phần lớn các quốc gia Toà án và thNm phán tham gia sớm vào hoạt động điều tra vụ án hình sự. ThNm phán tiến hành điều tra và lập hồ sơ, thu thập tất cả các chứng cứ liên quan.

2) Những hoạt động tố tụng ảnh hưởng đến quyền nhân thân và quyền tài sản của công dân đều được thực hiện một cách thận trọng và đa số trường hợp phải có lệnh của Toà án.

3) Pháp luật tố tụng hình sự của nhiều nước đều quy định có giai đoạn điều tra sơ bộ, do công tố viên hay thNm phán thực hiện. Việc xét xử chủ yếu là kiểm tra lại tính hợp pháp của các tài liệu đã được thu thập từ trước.

4) ThNm phán xét xử vụ án phải đảm bảo thực sự vô tư khách quan, những người đã tiến hành bất kể hoạt động tố tụng nào ở giai đoạn trước thì không được ngồi xét xử vụ án đó.

5) Trong tố tụng thNm vẫn thNm phán có vai trò rất lớn trong việc tìm ra sự thật của vụ án. Trong tố tụng tranh tụng vai trò của thNm phán chỉ như người trọng tài, có chức năng hoà giải, giải quyết các xung đột chắc chắn sẽ xảy ra giữa hai bên buộc tội và gỡ tội.

6) ThNm phán trong cả hai mô hình tố tụng có nhiều quyền hạn khi điều khiển phiên toà, đảm bảo thực thi đúng đắn các thủ tục tố tụng.

7) ThNm phán phải bảo vệ quyền lợi công và bảo vệ công chúng, đảm bảo các quyền hiến định cho bị cáo và người tham gia tố tụng.

1.3. Yêu cầu của cải cách tư pháp và vấn đề nâng cao vai trò của thẩm phán trong tố tụng hình sự

Mỗi mô hình tố tụng đều thể hiện tính ưu việt cũng như hạn chế của nó. Ngày nay, các mô hình tố tụng có sự xích lại gần nhau, tiếp cận những yếu tố hợp lý của nhau để với mục đích cuối cùng là nhanh chóng tìm ra sự thật của vụ án mà vẫn đảm bảo được các quyền cơ bản của con người.

Tố tụng tranh tụng đề cao vai trò của công tố và luật sư bào chữa, coi trọng các lý lẽ được đưa ra ở phiên toà. Hệ thống tố tụng này coi trọng quá mức quyền lợi của người phạm tội. Tố tụng thNm vẫn chưa coi trọng vai trò của tranh tụng, chủ tọa phiên toà thực hiện cả ba chức năng buộc tội, gỡ tội và xét xử. Vấn đề cải cách tư pháp hình sự phải nhằm đến các tiêu chí: Xác định được đầy đủ sự thật khách quan của vụ án một cách kịp thời và nhanh chóng; không bỏ lọt người phạm tội và không làm oan người vô tội; bảo vệ được các quyền cơ bản của con người, cả bị cáo lẫn người bị hại và các đối tượng khác. Trong hoạt động tố tụng luôn phải đề cao nguyên tắc suy đoán vô tội và tranh tụng, chỉ có như vậy mới bảo đảm được người phạm tội khỏi bị kết án oan.

Việt Nam duy trì mô hình tố tụng thNm vẫn nhưng cũng đang hướng đến yếu tố hợp lý của tranh tụng. Các quyết định của bản án phải dựa chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên toà công khai.

Điều khiển việc tranh tụng do thNm phán và Hội đồng xét xử thực hiện tại phiên toà. Cho nên nâng cao tranh tụng phải đi đôi với nâng cao vai trò của thNm phán.

Chương 2

VỊ TRÍ, VAI TRÒ, QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA THẨM PHÁN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến 1959

Sau khi Nhà nước dân chủ nhân dân ra đời, cơ quan tư pháp được xác lập theo Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/1/1946, bao gồm Ban Tư pháp xã, Toà án sơ cấp ở các quận, huyện, Toà đệ nhị cấp ở các tỉnh, Toà thượng thẩm ở các kỳ. Có hai ngạch thẩm phán, thẩm phán sơ cấp làm việc ở toà sơ cấp, thẩm phán đệ nhị cấp làm việc ở toà đệ nhị cấp và toà thượng thẩm.

Theo Sắc lệnh số 51-SL ngày 17/4/1946, Toà án sơ cấp xử chung thẩm những vụ phạt bạc từ 5 hào đến 9 đồng, sơ thẩm những án phạt giam từ 1 đến 5 ngày. Toà án đệ nhị cấp chung thẩm những án vi cảnh của Toà án sơ cấp bị kháng cáo; sơ thẩm những việc tiểu hình và đại hình. Toà thượng thẩm xét xử những việc kháng cáo án sơ thẩm của các Toà đệ nhị cấp.

Theo Sắc lệnh 85/SL ngày 22/5/1950, Ban tư pháp xã có quyền xử chung thẩm những vụ vi cảnh phạt bạc từ 5 đồng đến 30 đồng; Toà án nhân dân huyện có quyền xử chung thẩm những vụ án sơ thẩm của Ban tư pháp xã bị kháng cáo, hoặc những vụ phạm pháp vi cảnh mà Ban tư pháp xã xét cần xử phạt giam, hoặc những vụ tái phạm vi cảnh.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, từ năm 1950 đến 1954 Nhà nước còn thành lập các toà án nhân dân liên khu, toà án nhân

dân vùng tạm bị chiếm đóng, toà án nhân dân đặc biệt ở những nơi phát động quần chúng thi hành chính sách ruộng đất.

Nguyên tắc của tổ tụng hình sự thời kỳ này là việc xét xử của Toà án có Phụ thẩm nhân dân (ngày nay là Hội thẩm nhân dân) tham gia trong các việc hình; xét xử công khai, nghị án trong phòng kín, tuyên án công khai theo đa số; luật sư có quyền biện hộ trước tất cả các Toà án trừ những Toà sơ cấp; Toà án tư pháp độc lập với cơ quan hành chính; thẩm phán chỉ trọng pháp luật và công lý, các cơ quan khác không được can thiệp vào việc tư pháp.

2.2. Giai đoạn từ năm 1960 đến trước năm 1988

Thẩm phán TAND cấp huyện phân xử những việc hình sự nhỏ không phải mở phiên toà, xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự có thể phạt từ hai năm tù trở xuống; thẩm phán Toà án nhân dân cấp tỉnh xét xử những vụ án hình sự không thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện; thẩm phán Toà án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm các bản án chưa có hiệu lực pháp luật, sơ thẩm đồng thời chung thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm các bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 27/9/1974 Toà án nhân dân tối cao ban hành *Bản hướng dẫn về trình tự tổ tụng sơ thẩm về hình sự*, trong đó quy định rõ vai trò của thẩm phán trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đó là việc xác định thẩm quyền của Toà án nhân dân, trình tự chuẩn bị cho việc xét xử tại phiên toà, trình tự tổ tụng xét xử tại phiên toà.

Về thẩm quyền, phân biệt thẩm quyền về người và việc, về lãnh thổ, theo cấp Toà án, khi vụ án có yếu tố nước ngoài.

Hoạt động của thẩm phán trước khi mở phiên toà: Nghiên cứu hồ sơ, giải quyết các vấn đề về hồ sơ để có thể chuẩn bị xét xử; ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hoạt động của thẩm phán tại phiên toà:

Việc xét xử phải đảm bảo các nguyên tắc công khai, liên tục, trực tiếp và bằng lời nói, có hội thẩm nhân dân tham gia, xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Thẩm phán phải thẩm tra lại toàn bộ chứng cứ, nghe tranh cãi và cuối cùng đưa ra phán quyết đối với vụ án theo trình tự: Xét hỏi, tranh luận, bị cáo nói cuối cùng, Toà nghị án. Chỉ được căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra ở phiên toà mà không được căn cứ vào chứng cứ, tài liệu nào khác. Hội đồng quyết định theo đa số, thiểu số được bảo lưu ý kiến tại hồ sơ.

Sau nghị án, Hội đồng xử án sẽ ban hành một bản án hay một quyết định. Bản án phải được chủ toạ phiên toà chuẩn bị trước phần mở đầu, phần nội dung sự việc và nhận xét sơ bộ, sau khi nghị án thì chủ toạ bổ sung những tình tiết được thẩm tra tại phiên toà và kết quả việc nghị án, phần quyết định phải được viết tại chỗ. Thẩm phán phải thông báo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác quyền chống án, thể thức và thời hạn chống án. Bản án khi đã tuyên xong thẩm phán chỉ có thể bổ sung trong hai trường hợp: Quên không tịch thu đồ dùng phạm pháp, bỏ sót việc bồi thường ở phần quyết định trong khi phần nhận xét có nói đến.

Sau khi xét xử thẩm phán chủ toạ cùng thư ký kiểm tra lại và cùng ký vào biên bản phiên toà.

2.3. Vai trò của Thẩm phán theo Bộ luật TTHS năm 1988

Một số nguyên tắc của tổ tụng hình sự có liên quan trực tiếp đến hoạt động của thẩm phán được ghi nhận tại BLTTHS 1988, đó là nguyên tắc Toà án xét xử công khai, xét xử tập thể và quyết định theo đa số, chế độ xét xử có hội thẩm nhân dân tham gia, khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, xác định sự thật của vụ án, nguyên tắc suy đoán vô tội.

Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được giao cho Toà án cấp huyện và cấp tỉnh. Thẩm phán Toà án nhân dân cấp huyện xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự có thể phạt đến 7 năm tù, khi tổng hợp hình phạt có thể quyết định đến 20 năm tù.

Trước khi xét xử Thẩm phán phải nghiên cứu hồ sơ, giải quyết khiếu nại và yêu cầu, thực hiện các hoạt động khác cần thiết cho việc mở phiên toà. Trong thời hạn từ 45 ngày đến 3 tháng tùy theo là tội ít nghiêm trọng hay nghiêm trọng, Thẩm phán phải ra một trong những quyết định: Đưa vụ án ra xét xử; trả hồ sơ để điều tra bổ sung; tạm đình chỉ vụ án; đình chỉ vụ án.

Khi điều hành phiên toà, Thẩm phán phải thực hiện các nguyên tắc cơ bản của tổ tụng hình sự, đó là việc xác định sự thật của vụ án, thực hiện nghĩa vụ chứng minh, tôn trọng nguyên tắc suy đoán vô tội, bảo đảm quyền bình đẳng trước Toà án, quyền bào chữa của bị cáo, sự vô tư của những người tiến hành tố tụng, quyền dùng tiếng nói chữ viết riêng của dân tộc, bảo đảm các quyền cơ bản của công dân và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thẩm phán phải đảm bảo các thủ tục tố tụng tại phiên

toà, đó là việc xét xử trực tiếp, bằng lời và liên tục; đảm bảo thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định; chỉ định luật sư trong một số trường hợp bắt buộc, duy trì và xử lý kỷ luật phiên toà.

2.4. Quá trình hoàn thiện các quy định pháp luật tố tụng hình sự từ sau năm 1988 về vai trò của Thẩm phán

2.4.1. Những sửa đổi, bổ sung trước khi pháp điển hoá lần thứ hai

Trước năm 2003, Bộ luật TTHS 1988 đã được sửa đổi, bổ sung 3 lần vào các năm 1990, 1992, 2000, chủ yếu là sửa đổi về kỹ thuật lập pháp cho phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự. Có một số sửa đổi liên quan đến hoạt động của thNm phán như sau:

- Thay đổi thời hạn chuNm bị xét xử: Ba mươi ngày, bốn mươi lăm ngày, hai tháng, ba tháng đối với bốn loại tội phạm tương ứng.
- Thay đổi thời hạn xét xử phúc thNm tại Điều 215: Toà án cấp tỉnh tăng từ 30 ngày lên 60 ngày, ở Toà án quân sự Trung ương và Toà phúc thNm TAND tối cao tăng từ 60 ngày lên 90 ngày.
- Những sửa đổi, bổ sung ở giai đoạn thi hành án chủ yếu liên quan đến vai trò của thNm phán giữ chức danh Chánh án Toà án trong việc thi hành án.
- Những sửa đổi, bổ sung ở giai đoạn xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thNm, tái thNm.
- Những sửa đổi, bổ sung về thủ tục trong những vụ án có bị can, bị cáo là người chưa thành niên.

2.4.2. Những điểm mới của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về vai trò của thẩm phán

Về thẩm quyền: Toà án nhân dân cấp huyện và Toà án quân sự khu vực xét xử sơ thNm những vụ án hình sự có khung hình phạt cao nhất đến 15 năm tù, khi tổng hợp hình phạt có thể đến 30 năm tù.

Về các hoạt động của thẩm phán khi giải quyết vụ án hình sự:

- *Bổ sung ba nguyên tắc của tố tụng hình sự:*

- + Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử (Điều 20).
- + Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự (Điều 28).
- + Nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thNm quyền tiến hành tố tụng hình sự gây ra (Điều 30).

- *Sửa đổi hai nguyên tắc:*

- + Nguyên tắc xét xử công khai (Điều 18): Lý do xét xử kín là cần “giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc” thay cho khái niệm trước đây là “giữ gìn đạo đức xã hội”.

+ Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Toà án (Điều 19): Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đồ vật, tài liệu, yêu cầu và được tranh luận dân chủ.

- *Thủ tục tố tụng tại phiên toà*

+ ThNm phán phải trực tiếp xác định các tình tiết của vụ án bằng cách hỏi và nghe ý kiến không chỉ của những người tham gia tố tụng mà còn của người đại diện hợp pháp của họ.

+ Toà án có thể bố trí thNm phán, hội thNm và kiểm sát viên dự khuyết để khi cần có thể thay thế.

+ Người bào chữa có thể gửi trước bản bào chữa cho Toà án. Nếu người bào chữa vắng mặt Toà án vẫn mở phiên toà xét xử..

+ Nếu người làm chứng cố ý không đến mà không có lý do chính đáng thì Hội đồng xét xử có thể ra quyết định dẫn giải.

- *Sửa đổi giới hạn xét xử*: Toà án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.

- *Sửa đổi thủ tục xét hỏi tại phiên toà*: Hội đồng xét xử chỉ hỏi mang tính gợi ý để bị cáo tự trình bày về những tình tiết của vụ án, đồng thời hỏi thêm về những điểm mà bị cáo trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Trách nhiệm xét hỏi được chuyển cho Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự.

- *Sửa đổi phương pháp tranh luận tại phiên toà*:

+ Luận tội của Viện kiểm sát phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà và ý kiến của những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà.

+ Chủ tọa phiên toà phải tạo điều kiện cho những người tranh luận trình bày hết ý kiến; có quyền đề nghị Kiểm sát viên đối đáp với những người tham gia tố tụng khác.

- *Yêu cầu khi nghị án*: “Khi nghị án chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thNn tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà...”.

- *Việc giao bản án*: Thời hạn giao bản án là 10 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chương 3

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ VAI TRÒ CỦA THẨM PHÁN TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG HÌNH SỰ VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.1. Thẩm phán trong thực tiễn hoạt động tố tụng hình sự

3.1.1. Thẩm phán với việc thực hiện các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự

- *Nguyên tắc “không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật”*. Trong lịch sử tố tụng của Việt Nam, khi một người bị bắt giữ hình sự hoặc từ khi có quyết định khởi tố bị can thì thường đã bị coi là tội phạm và thực sự bị đối xử như một phạm nhân. Điều này ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo.

- *Nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*. Toà án khi xét xử phải báo cáo công tác và chịu sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân địa phương, chịu sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương, nhiệm kỳ thNn phán ngắn (5 năm) đã hạn chế tính độc lập của thNn phán.

Nguyên tắc này còn bị hạn chế khi thNn phán phải “duyet án” hoặc “thình thị án”.

- *Nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số*. Xét xử tập thể không bị vi phạm, nhưng quyết định theo đa số còn có vấn đề bất cập vì hội thNn có nhận thức sai lầm, hay do bị tác động khi xét xử. ThNn phán vì muốn áp dụng tội danh hay hình phạt nhẹ hơn nhưng lại thuyết phục hội thNn biểu quyết đa số theo hướng đó.

3.1.2. Hoạt động của thẩm phán khi điều hành phiên toà

- *Khai mạc phiên toà*: Trong phần khai mạc phiên toà, ThNn phán giải thích không đầy đủ, hoặc giải thích quá dài và sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn làm cho người nghe không hiểu.

- *Đảm bảo trật tự phiên toà*: Việc vi phạm trật tự phiên toà xảy ra khá phổ biến, nhưng Chủ tọa phiên toà ít đưa ra các biện pháp xử

lý mà chỉ yêu cầu lực lượng cảnh sát tư pháp nhắc nhở hay không chế không cho họ tiếp tục vi phạm.

- *Đảm bảo sự có mặt của những người tham gia tố tụng*: ThNn phán chỉ được xét xử vắng mặt bị cáo trong ba trường hợp: Bị cáo trốn tránh và việc truy nã không có kết quả; bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập đến phiên toà; nếu việc vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử và họ đã được giao giấy triệu tập hợp lệ. Việc xét xử vắng mặt bị cáo thường được các thNn phán rất thận trọng, vì khả năng oan sai rất dễ xảy ra.

- *Thực hiện giới hạn của việc xét xử*: Bộ luật TTHS 2003 đã bổ sung: “Toà án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố”.

- *Xét hỏi tại phiên toà*: Đối mới thủ tục xét xử tại phiên toà hình sự đòi hỏi Chủ tọa phiên toà chỉ giữ vai trò điều khiển, giữ gìn trật tự. Việc xét hỏi ở phiên toà chủ yếu là nhiệm vụ của Kiểm sát viên, luật sư, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác. Nhưng có thNn phán hỏi quá nhiều, giải thích pháp luật và đạo lý quá mức cần thiết, xúc phạm bị cáo, không tôn trọng ý kiến do những người tham gia tố tụng đưa ra.

- *Tranh luận tại phiên toà*: Thực tiễn cho thấy hầu hết các vấn đề của vụ án được làm rõ trong giai đoạn xét hỏi, đến phần tranh luận các bên không phát biểu nhiều. Các bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, né tránh việc tranh luận nhằm gây cảm tình với Hội đồng xét xử, người bào chữa nhắc

lại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị mức án nhẹ. Những người tham gia tố tụng khác thường có tâm lý cho rằng xét xử là việc của Nhà nước nên chỉ đề nghị Toà xử theo pháp luật.

- *Một số quyết định của Hội đồng xét xử tại phiên toà*

+ Quyết định khởi tố vụ án hình sự: Hội đồng xét xử quyết định khởi tố vụ án hình sự nhưng bị Viện kiểm sát kháng nghị nên không được thực hiện.

+ Sửa chữa những sai sót của hồ sơ: Hội đồng xét xử phát hiện thấy sai sót của hồ sơ nhưng không tự khắc phục mà phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

+ Quyết định điều tra bổ sung: Có trường hợp Hội đồng xét xử thấy đúng là hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội phạm mà không tuyên bố vô tội, vẫn trả hồ sơ để điều tra bổ sung, để rồi sau đó cơ quan điều tra đình chỉ vụ án.

- *Việc chuẩn bị bản án, nghị án và tuyên án*: ThNn phán thường chuNn bị bản án trước khi xét xử, người tham dự phiên toà cho rằng đó là án “bỏ túi”. Điều này là được phép vì trong thời gian chuNn bị xét xử ThNn phán đã nghiên cứu hồ sơ nên nắm bắt được những tình tiết cơ bản của vụ án, có thể chuNn bị trước và chỉ cần bổ sung cho phù hợp với diễn biến thực tế ở phiên toà là được.

3.1.3. Mối quan hệ giữa Thẩm phán với Hội thẩm, Kiểm sát viên và người bào chữa khi xét xử vụ án hình sự

- *Mối quan hệ giữa Thẩm phán và Kiểm sát viên*: ThNn phán và Kiểm sát viên được phân công giải quyết vụ án hình sự có quan hệ ràng buộc về mặt tố tụng. Nhưng sẽ là trái pháp luật nếu giữa họ có sự thống nhất, hay “dàn xếp” với nhau về đường lối xét xử.

- *Mối quan hệ giữa Thẩm phán và Hội thẩm*: Khi tham gia xét xử, Hội thNn là một chức danh tư pháp. Vẫn tồn tại hai khuynh

hướng là Hội thẩm tin tưởng và luôn nhất trí với ý kiến của Thẩm phán, có sự thỏa hiệp giữa Thẩm phán và Hội thẩm khi quyết định bản án. Cả hai xu hướng này đều cần được khắc phục.

- *Mối quan hệ giữa Thẩm phán với người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự:* Theo Luật thì người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi khởi tố vụ án, ở giai đoạn điều tra người bào chữa rất khó khăn khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, ở giai đoạn xét xử người bào chữa xuất trình chứng cứ được thẩm phán sử dụng hạn chế và thường tìm cách vô hiệu hoá chứng cứ đó.

3.1.4. Trách nhiệm của thẩm phán trong trường hợp oan, sai trong tố tụng hình sự

Khi có vụ án được xác định là oan, Tòa án nơi đã kết án oan phải công khai xin lỗi và bồi thường cho người bị oan, sau đó yêu cầu thẩm phán hoàn trả lại một phần hoặc toàn bộ chi phí đã bồi thường. Thẩm phán phải giải trình về vụ án, nếu cố ý ra bản án trái pháp luật thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 295 Bộ luật hình sự 1999; vì lý do năng lực chuyên môn có thể phải tạm dừng nhiệm vụ xét xử để đào tạo lại; vì những lý do khách quan khác thì phải tường trình và không được xét thi đua trong năm công tác đó. Trong một nhiệm kỳ 5 năm, nếu thẩm phán có nhiều vụ án xét xử oan thì sẽ không được tái bổ nhiệm.

Ngoài hoạt động xét xử sơ thẩm như trình bày ở trên, thẩm phán còn xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm hay tái thẩm vụ án hình sự. Thẩm phán là Chánh án còn có quyền kháng nghị bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới (hoặc cấp mình), ra quyết định thi hành phần hình sự của bản án có hiệu lực. Thẩm phán Tòa án cấp tỉnh có thể làm Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình.

3.2. Một số kiến nghị về hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng hình sự

1) Bổ sung quyền hạn của Tòa án và thẩm phán trong giai đoạn tiền xét xử, đó là những hoạt động liên quan đến quyền tự do của con người như việc bắt giam, khám xét, kiểm tra thư tín.

2) Trong giai đoạn xét xử, thẩm phán cần được giao thẩm quyền điều tra nếu không muốn hoặc không có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Những tài liệu điều tra do thẩm phán thực hiện một cách hợp pháp có giá trị chứng minh và bắt buộc đối với cơ quan công tố.

3) Luật cần quy định rõ quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử có hiệu lực thi hành ngay mà không thể bị kháng cáo, kháng nghị.

4) Nên sửa đổi nguyên tắc “việc xét xử của Tòa án có hội thẩm tham gia”. Có thể đối với những tội phạm ít nghiêm trọng khi xét xử chỉ cần một thẩm phán, khi hội đủ hai điều kiện là chứng cứ rõ ràng và bị cáo đồng ý xét xử không cần có Hội đồng xét xử.

5) Nghiên cứu để quy định về hoạt động tư tố.

6) Việc xét xử theo thủ tục rút gọn: Thủ tục rút gọn được áp dụng khi có đủ ba điều kiện là người phạm tội bị bắt quả tang; sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng; tội phạm được thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng. Đây cũng chính là điều kiện để việc tổ chức xét xử với chỉ một thẩm phán.

3.3. Một số kiến nghị về mặt tổ chức đối với Thẩm phán

1) Đảm bảo tính độc lập của Thẩm phán: Kéo dài nhiệm kỳ thẩm phán, thành lập Tòa án khu vực là một giải pháp cơ bản để thẩm phán được độc lập.

2) Tăng cường năng lực của ThNm phán: Hiện đại hoá Toà án và tư duy của thNm phán, ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng của thNm phán mà không thiên về đào tạo theo bằng cấp, học vị.

3) Nâng cao trách nhiệm của ThNm phán: Đòi hỏi Nhà nước có chế độ đãi ngộ phù hợp.

4) Tăng cường các biện pháp bảo đảm cho thNm phán: Có biện pháp bảo toàn tính mạng, sức khoẻ, tài sản, danh dự cho thNm phán, không để cho các hành vi xâm hại thNm phán từ bên ngoài.

KẾT LUẬN

Tổ tụng hình sự là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, là tất yếu khi xã hội còn tồn tại tội phạm. Phụ thuộc vào tập quán dân tộc, lịch sử mà mỗi quốc gia có cách thức khác nhau khi tiến hành các thủ tục giải quyết một vụ án hình sự. Các cách thức đó được khái quát lại bằng hai mô hình tổ tụng, đó là tổ tụng tranh tụng và tổ tụng thNm vẫn với một số đặc điểm như phân tích trong chương 1 của bản luận văn này. Mô hình tổ tụng khác nhau quyết định đến việc hình thành địa vị pháp lý khác nhau của thNm phán. Tổ tụng tranh tụng đề cao vai trò của luật sư và công tố viên, thNm phán đóng vai trọng tài khi điều hành phiên toà, kết quả xét xử phụ thuộc nhiều vào năng lực tranh tụng giữa các bên. Tổ tụng thNm vẫn giao nhiều quyền cho thNm phán. ThNm phán phải thực hiện cả chức năng buộc tội, gỡ tội và xét xử nên kết quả xét xử dễ bị tác động bởi định kiến. Cả hai mô hình tổ tụng đều có những điểm bất hợp lý, cần thiết phải có sự cải cách và các quốc gia đang làm việc đó.

Việt Nam duy trì mô hình tổ tụng thNm vẫn nhưng cũng đang hướng tới những yếu tố hợp lý của tranh tụng. Vai trò của thNm phán khi xét xử vụ án hình sự có thay đổi nhất định khi Nhà nước ta ban hành Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2003. ThNm phán được giảm bớt nhiệm vụ khi điều hành phiên toà, việc thNm vẫn và tranh luận được chuyển cho các bên buộc tội và bên gỡ tội thực hiện. Diễn biến thực tế tại phiên toà mới là căn cứ quyết định của bản án và thNm phán không bị ràng buộc bởi quan điểm được tính trước.

Thực tế trong những năm qua cho thấy các quy định pháp luật về vai trò của thNm phán trong tổ tụng hình sự ngày càng được hoàn thiện theo hướng chặt chẽ, bảo đảm tính độc lập khi xét xử, dân chủ

trong tố tụng và quyền uy của nền tư pháp hướng tới công lý. ThNn phán đã có tương đối đầy đủ những quyền hạn cần thiết khi giải quyết một vụ án hình sự. Toà án không chỉ là cơ quan bảo vệ pháp luật mà còn là nơi công lý, công bằng được thực hiện.

Những hạn chế, khiếm khuyết của pháp luật về vai trò của thNn phán trong tố tụng hình sự cần sớm được các nhà lập pháp nghiên cứu bổ sung, sửa đổi khi thực hiện chiến lược cải cách tư pháp. Cần tạo cho thNn phán có đầy đủ những điều kiện để có thể độc lập, công minh khi xét xử. Bản thân các thNn phán phải nhận thức đúng đắn vai trò của mình, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, tôn trọng quyền bình đẳng của những người tham gia tố tụng.

Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị đã tạo tiền đề cho quá trình cải cách các cơ quan tư pháp, đó là việc thành lập Toà án theo khu vực, tăng thời hạn bổ nhiệm hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không kỳ hạn cho thNn phán, cải cách chế độ tiền lương và khen thưởng phù hợp với lao động của cán bộ tư pháp. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng khẳng định đNn mạnh Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020, cải cách tư pháp khNn trương, đồng bộ, lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm, xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Để thực hiện các nhiệm vụ này, pháp luật về tổ chức ngành Toà án và tố tụng hình sự về hoạt động của thNn phán cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Chiến lược Cải cách tư pháp của Đảng, trong đó xin được lưu ý một số kiến nghị mà bản luận văn này đã nêu ra trên đây.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT



BÙI VĂN LƯƠNG

VAI TRÒ CỦA THẨM PHÁN
TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

CHUYÊN NGÀNH : LUẬT HÌNH SỰ
MÃ SỐ : 60 38 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2006

**Công trình được hoàn thành tại:
Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội**

Đại học quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS Nguyễn Tất Viễn

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

**Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ, họp tại Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội
Vào hồi. giờ ngày. tháng. năm 2006**

Có thể tìm hiểu luận văn tại thư viện